

Số: 168/BC-THKL

Keo Lô, ngày 4 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024 - 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT TH Keo Lô.

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Tỉa Ghênh C, xã Keo Lô, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0914408670

- Trang thông tin điện tử: <https://thkeolom.dienbien.edu.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn:

Trường PTDTBT TH Keo Lô là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

4.3.1. Chất lượng giáo dục:

Duy trì các tiêu chí của trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1, Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

4.3.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 25/25 = 100%

4.3.3. Chất lượng học sinh:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;

Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

4.3.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường PTDTBT TH Keo Lôm được thành lập năm 2012 theo Quyết định số 2067/QĐUB ngày 30/11/2012 của UBND huyện Điện Biên Đông với tên là Trường PTDTBT TH Keo Lôm.

Ban đầu mới thành lập trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như về đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Xong tập thể cán bộ giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường đã nỗ lực vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tập thể trường PTDTBT TH Keo Lôm liên tục được Chủ tịch UBND huyện Điện Biên Đông công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và tặng Giấy khen năm học 2020-2021, 2021- 2022, 2022-2023. 2023-2024. Năm học 2019-2020 được cử thi đua của Thủ tướng Chính phủ. Năm học 2020-2021 được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Hằng năm có 100% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 10% cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen, có 5-6 cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”. Tập thể nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Phạm Thị Liên
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT TH Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông, Tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0914. 408.670
- Gmail: vphamthiliendbd@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

Trường PTDTBT TH Keo Lôm được thành lập năm 2012 theo Quyết định số 2067/QĐUB ngày 30/11/2012 của UBND huyện Điện Biên Đông.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

Quyết định 2423/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Điện Biên Đông

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Bà Phạm Thị Liên	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐ;	

2.	Bà Lò Thị Bình	P'Hiệu trưởng, Phó chủ tịch HĐ;	
3.	Ông Triệu Thị Thân	Chủ tịch Công đoàn, Thư ký HĐ	
4.	Ông Đỗ Văn Bộ	P'Hiệu trưởng, thành viên;	
5.	Quàng Văn Tỉnh	Tổ trưởng chuyên môn, Thành viên;	
6.	Trần Thị Tâm	Tổ trưởng chuyên môn, Thành viên;	
7.	Bà Bùi Thị Thắm	Tổ trưởng chuyên môn, Thành viên;	
8.	Bà Nguyễn Thị Hằng	Tổ trưởng chuyên môn, Thành viên;	
9.	Ông Nguyễn Văn Hoài	Bí thư Đoàn thanh Niên, Thành viên;	
10.	Bà Vàng Thị Dừa	Phó chủ tịch UBND xã, Thành viên;	
11.	Đại diện cha mẹ học sinh	Hội trưởng hội phụ huynh, thành viên	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Phạm Thị Liên: QĐ điều động và bổ nhiệm HT số 941/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện Điện Biên Đông.
- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng Lò Thị Bình: QĐ số 2291/ QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện Điện Biên Đông.
- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng Đỗ Văn Bộ: QĐ số 7644/ QĐ-UBND ngày 9/8/2024 của UBND huyện Điện Biên Đông

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục

của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 19 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Công đoàn có 31 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 482 đội viên và nhi đồng

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 5 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Đổi tên thành trường PTDTBT TH Keo Lôm theo Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của UBND huyện Điện Biên Đông.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Thị Liên	Hiệu trưởng	0914408670	
2	Lò Thị Bình	Phó hiệu trưởng	0911181100	
3	Đỗ ThVân Bộ	Phó hiệu trưởng	0342678441	

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 31 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	16	
2	Giáo viên TH hạng III	9	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thiết bị- Thư viện	1	
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
3	Vị trí việc làm Kế toán	1	
4	Vị trí việc làm Văn thư , thủ	0	

	quỹ		
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	0	
2	Nhân viên phục vụ	0	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính và 01 điểm trường lẻ.

Với diện tích là 7690.0m²/482 học sinh, trung bình đạt 15,95 m²/học sinh

Đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVN đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học tương đối đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thông và hoạt động Đội; các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo kích thước, diện tích phòng học đạt cơ bản đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Phòng Tin học có tổng số 15 máy tính 5 máy hoạt động được, số còn lại đã xuống cấp từ nhiều năm. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy;

học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có tương đối đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Nhà trường thiếu hệ thống máy chiếu và tivi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hàng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với Ban lãnh đạo Phòng GD&ĐT đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

Sách Pháp luật gồm: có 35 đầu sách, 212 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 92 quyển.

Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Nhà trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và đón bằng công nhận chuẩn vào tháng 7/2024.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2023 - 2024 nhà trường có tổng số **482** học sinh, số học sinh nữ là 237 em chiếm 49,2%. Có **16** lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 30 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99,0% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 482/482 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 5 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

Khối lớp 1,2,3,4,5. TS học sinh 480/483 (Trong đó có 2 học sinh KT tham gia đánh giá; 3 HS KT không tham gia đánh giá)

Môn	Xếp loại	Tổng số-Phần trăm		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
		480		91	107	99	87	96
		SL	%	1	2	3	4	5
Tiếng việt	H. thành tốt	117	24.4	26	26	25	23	17
	H. thành	361	75.2	65	81	74	62	79
	Chưa HT	2	0.4	0	0	0	2	0
Toán	H. thành tốt	134	27.9	26	24	32	28	24
	H. thành	344	71.7	65	83	67	57	72
	Chưa HT	2	0.4	0	0	0	2	0
Đạo đức	H. thành tốt	135	28.1	26	30	30	22	27
	H. thành	345	71.9	65	72	69	65	69
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0
TNXH	H. thành tốt	92	31.0	27	35	30		

(297)	H. thành	205	69.0	64	72	69		
	Chưa HT	0	0	0	0	0		
Khoa học(183)	H. thành tốt	49	26.8				24	25
	H. thành	134	73.2				63	71
	Chưa HT	0	0				0	0
Lịch sử và Địa lí(183)	H. thành tốt	46	25.1				22	24
	H. thành	137	74.9				65	72
	Chưa HT	0	0				0	0
Âm nhạc	H. thành tốt	128	26.7	26	26	30	23	23
	H. thành	352	73.3	65	81	69	64	73
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0
Mĩ Thuật	H. thành tốt	127	26.5	27	28	29	22	21
	H. thành	353	73.5	64	79	70	65	75
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0
HĐTN(384)	H. thành tốt	111	28.9	26	34	29	22	
	H. thành	273	71.1	65	73	70	65	
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	
Thể dục (GDTC)	H. thành tốt	141	29.4	27	35	30	26	23
	H. thành	339	70.6	64	72	69	61	73
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ(186)	H. thành tốt	57	30.6			31	26	
	H. thành	129	69.4			68	61	
	Chưa HT	0	0			0	0	
Tin học (282)	H. thành tốt	77	27.3			31	24	22
	H. thành	205	72.7			68	63	74
	Chưa HT	0	0			0	0	0
Ngoại ngữ(186)	H. thành tốt	51	27.4			30	21	
	H. thành	133	71.5			69	64	
	Chưa HT	2	1.1			0	2	
Kỹ thuật(96)	H. thành tốt	24	25.0					24
	H. thành	72	75.0					72
	Chưa HT	0	0					0

Năng lực chung lớp 1,2,3,4.

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tự chủ và tự học	96	25.0	288	75.0	0	0
2	Giao tiếp và hợp tác	96	25.0	288	75.0	0	0
3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	94	24.5	288	75.0	2	0.5

Năng lực đặc thù 1,2,3,4.

TT	Năng lực	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
----	----------	-----	-----	-------------

		SL	%	SL	%	SL	%
1	Ngôn ngữ	96	25.0	286	74.5	2	0.5
2	Tính toán	99	25.8	283	73.7	2	0.5
3	Thẩm mỹ	95	24.8	287	74.7	2	0.5
4	Thể chất	95	24.8	287	74.7	2	0.5
5	Khoa học	98	25.5	284	74.0	2	0.5
6	Tin học (186)	51	27.5	133	71.5	2	1.0
7	Công nghệ(186)	52	28.0	132	71.0	2	1.0

Phẩm chất 1,2,3,4.

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Yêu nước	133	34.6	251	65.4	0	0
2	Nhân ái	141	36.7	243	63.3	0	0
3	Chăm chỉ	131	34.1	253	65.9	0	0
4	Trung thực	135	35.2	249	64.8	0	0
5	Trách nhiệm	130	33.9	254	66.1	0	0

+ Về năng lực: Khối 5. Tổng số 96 HS

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tự phục vụ tự quản	24	25.0	72	75.0	0	0
2	Hợp tác	21	21.9	75	78.1	0	0
3	Tự học và giải quyết vấn đề	21	21.9	75	78.1	0	0

+ Về phẩm chất: Khối 5

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Chăm học chăm làm	27	28.1	69	71.9	0	0
2	Tự tin trách nhiệm	24	25.0	72	75.0	0	0
3	Trung thực kỷ luật	25	26.0	71	73.0	0	0
4	Đoàn kết yêu thương	26	27.1	70	72.9	0	0

*Kết quả giáo dục học sinh cuối năm khối lớp 1,2,3,4,5

Khối lớp	TSHS được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	91/91	16	17,6	10	11,0	65	71,4	0	0	
2	107/108	11	10,3	15	14,1	81	76,8	0	0	
3	99/100	10	10,1	19	19,2	70	70,7	0	0	
4	87/88	17	19.5	5	5.7	63	72.5	2	2.3	

5	96/96	0	0	16	16.7	80	83.3	0	0	
Tổng	480	54	11.3	65	13.5	359	74.8	2	0.4	

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp khối 1,2,3,4: 385/387 HS, đạt 99,5%.
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 96/96 học sinh, đạt 100%.
- Khen thưởng học sinh năm học 2023-2024: 119/483 học sinh, đạt:

24.6%

- Kết quả các hội thi, cuộc thi trong năm học 2023-2024:

Môn	Giải	Cấp trường	Cấp huyện
Thi viết chữ đẹp	Nhất	2	0
	Nhì	5	0
	Ba	11	2
	Khuyến khích	27	3
Toán tuổi thơ	Nhất	1	0
	Nhì	2	0
	Ba	3	0
	Khuyến khích	4	3
Tổng			Khuyến khích toàn đoàn

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 96/96 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 224.000.000 đồng;

- Dự toán được giao trong năm: 10.438.000.000 đồng, trong đó:
- + Dự toán giao đầu năm: 9.987.000.000 đồng
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 451.000.000 đồng
 - Kinh phí thực nhận trong năm: 10.662.000.000 đồng
 - Kinh phí quyết toán: 10.625.491.827 đồng;
 - Kinh phí giảm trong năm: 8.675.400 đồng
 - Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 27.832.773 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 27.832.773 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.
- Kết nạp được 100 đội viên mới trong năm học.
- HS vẽ tranh chủ đề: “Vẽ tranh của thiếu niên, nhi đồng về Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên Phủ hôm nay”, 14 bức.
- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”
- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.

- HS tích cực tham gia viết thư UPU lần thứ 52, toàn trường chọn gửi 35 bức thư về BTC.

- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.

- + Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường làm vườn rau, làm đồ chơi ngoài chòi cho con em.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai

- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.

- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 19 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong năm xét cho 03 quần chúng ưu tú đi học lớp nhận thức về Đảng.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

Sửa chữa nâng cấp 14 phòng học, 14 phòng nhà ở, 1 nhà ăn, 1 nhà bếp, lát nền sân chơi ... do Phòng GD&ĐT làm chủ đầu tư.

8. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỷ cương, nề nếp trong trường.

